| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **383**/2019/HSPT
Ngày 08/7/2019

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Ngô Anh Dũng.

*Các Thẩm phán*: Ông Ngô Tự Học;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 596/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

** Các bị cáo có kháng cáo*:

**1. Nguyễn Thị H,** sinh ngày 27/10/1972 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 1/261 đường P, phường H1, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có chồng là Nguyễn Đức T (đã ly hôn năm 2015) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 11/8/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Vũ Ngọc A,** sinh ngày 05/8/1964 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 60 đường P, phường M, quận Q, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 58 đường P, phường M, quận Q, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Đỗ Thị L (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**3. Trần D,** sinh ngày 06/11/1961 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 8/81 đường N, phường V, quận Q, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần B và bà Vũ Thị Kim L (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị T, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h00’ ngày 01/8/2017, Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang tại khu vực Bến đò khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc phường H2, quận A, thành phố Hải Phòng một số đối tượng đang có hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc bằng hình thức lô, đề gồm: Đinh Thị U, Trần D, Lưu Xuân P, sinh năm 1991 trú tại: Số T, phường S, quận C, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Duy G, sinh năm 1989 trú tại: Số P, quận A, thành phố Hải Phòng; O, sinh năm 1992 trú tại: Xã Q, huyện L, thành phố Hải Phòng. Thu giữ tang vật gồm: 04 bảng ghi số đề, 04 tích kê ghi số đề với tổng số tiền ghi trên các bảng đề là: 148.030.000 đồng; 02 điện thoại di động và số tiền 8.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Thị U khai: Khoảng cuối tháng 6/2017 U tổ chức bán số lô đề cho khách hoặc nhận ghi số lô đề của khách qua điện thoại sau đó ghi ra giấy và chuyển lại bảng đề cho Nguyễn Thị H qua mạng xã hội Zalo. Hàng ngày, U thuê Trần D, chuyển tiền thanh toán lô đề cho H để hưởng hoa hồng, U trả D 1.500.000 đồng/tháng. Ngày 01/8/2017, U chuyển cho H 03 bảng với tổng số tiền là 148.030.000 đồng và cho D nhận lại các số lô, đề với số tiền là 3.570.000 đồng. Ngày 30/7/2017, U bán lô, đề và chuyển bảng cho H, nhưng do tính không thắng không thua nên gộp cả vào ngày 31/7/2017 để thanh toán với H; Tổng số tiền bán lô, đề 2 ngày 30, 31/7 là 412.370.000 đồng. Số tiền U được hưởng lợi là 39.710.000 đồng. Sau khi trừ tiền thắng thua với khách và tiền công U được hưởng, U phải trả cho H 68.060.000 đồng. Tổng số tiền U được hưởng lợi trong ngày 30, 31/7 và 01/8/2017 là: 50.268.800 đồng nếu không bị bắt.

Nguyễn Thị H khai: Do mối quan hệ quen biết, H nhận bảng đề từ U qua mạng Zalo và tự ghi số đề của khách sau đó chuyển lại bảng đề cho Vũ Ngọc A và đối tượng tên Mười ở khu vực chợ Hàng, quận C, thành phố Hải Phòng (hiện chưa xác định được lai lịch) để hưởng % tiền hoa hồng chênh lệch. Ngày 01/8/2017, H nhận của U 03 bảng đề với tổng số tiền 148.030.000 đồng và bán được 1.000.000 đồng, sau đó H chuyển lại cho A 02 bảng với số tiền ghi trên các bảng đề là 136.930.000 đồng và chuyển cho Mười 01 bảng với số tiền ghi trên bảng đề là 12.100.000 đồng. Trong các ngày 30 và 31/7/2017 H nhận các bảng đề từ U, sau khi

đối trừ các khoản phải thanh toán thì U phải trả cho H 68.060.000 đồng, U đã nhờ Trần D trả cho H được 30.000.000 đồng. Số tiền H được hưởng lợi trong các ngày 30, 31/7 và 01/8/2017 là 15.479.500 đồng nếu không bị bắt.

Vũ Ngọc A khai: A trực tiếp nhận bảng đề của H qua mạng Zalo, sau đó chuyển lại qua Zalo cho đối tượng tên Ngọc trú tại số H, C, Hải Phòng để hưởng % chênh lệch. Ngày 01/8/2017 A đã nhận của H rồi chuyển lại cho Ngọc 03 bảng đề (trong đó có 01 bảng do H bán trực tiếp) với tổng số tiền là 136.930.000 đồng. Các ngày 30 và 31/7/2017 và 01/8/2017, A được hưởng lợi 3.541.500 đồng nếu không bị bắt.

Trần D khai: U ngồi bán số lô, đề tại quán nước của D và thuê D chuyển tiền thanh toán thắng thua giữa U với H, hàng ngày U trả công cho D 50.000 đồng. Thỉnh thoảng D có nhận lại những số lô, đề do U ghi và tự thanh toán với U. Chiều ngày 01/8/2017 D chuyển giúp U cho H 01 phong bì thư dán kín, D biết đó là tiền thanh toán lô đề của ngày hôm trước. Ngày 01/8/2017 D nhận lại của U các số lô, đề với số tiền là 3.570.000 đồng. D đã được U trả công 1.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Đinh Thị U về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999; bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015; các bị cáo Vũ Ngọc A, Trần D về tội "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015); xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H**: 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 11/8/2017.

Phạt tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015) xử phạt bị cáo **Vũ Ngọc A:** 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạt tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015) xử phạt bị cáo **Trần D**: 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạt tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Về thu lợi bất chính:* Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền: 12.559.700 (Mười hai triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc A phải nộp lại số tiền: 2.879.700 (Hai triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt, quyết định về trách nhiệm nộp tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Đinh Thị U; quyết định về xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A và Trần D kháng cáo xin được hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Nguyễn Thị H trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã nộp toàn bộ tiền phạt và tiền thu lợi bất chính; bị cáo vừa ly hôn chồng, phải nuôi con nhỏ, bố mẹ bị cáo đã già yếu; bị cáo là lao động chính và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt.

Các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; trình bày do hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình; bị cáo Vũ Ngọc A đã nộp toàn bộ tiền phạt và tiền thu lợi bất chính; các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo có đủ cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A và Trần D về tội

"Tổ chức đánh bạc" theo Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tức Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015) là có căn cứ đúng pháp luật, không oan. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá và vận dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và tuyên mức hình phạt 30 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc dù tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình được tài liệu đã nộp tiền phạt, tiền thu lời bất chính cũng như án phí hình sự sơ thẩm, nhưng xét thấy không có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Ngọc A và bị cáo Trần D, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Ngọc A nộp thêm tài liệu đã nộp tiền phạt; tiền thu lời bất chính và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 8.200.000đ; hoàn cảnh gia đình của các bị cáo đặc biệt khó khăn; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình; các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức và có vai trò không đáng kể, tiền thu lợi bất chính rất nhỏ. Xét thấy trường hợp của các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị H; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D; sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng cuối tháng 6/2017, Đinh Thị U đã có hành vi tổ chức bán số lô đề cho khách hoặc nhận ghi lô đề cho khách qua điện thoại rồi ghi ra giấy, sau đó chuyển lại bảng đề cho Nguyễn Thị H qua mạng xã hội Zalo. U thuê Trần D chuyển tiền thanh toán lô đề cho H để hưởng hoa hồng. Nguyễn Thị H tự ghi số đề của khách sau đó sẽ chuyển lại bảng đề cho Vũ Ngọc A và đối tượng tên Mười (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để hưởng % tiền hoa hồng chênh lệch. A trực tiếp nhận bảng đề của H qua mạng Zalo cũng chuyển lại cho đối tượng tên Ngọc để hưởng chênh lệch. Trong các ngày 30, 31/7 và ngày

01/8/2017, các bị cáo Đinh Thị U, Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A và Trần D đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức lô, đề, cụ thể: Bị cáo Đinh Thị U và Trần D tổ chức với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 563.970.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị H tổ chức với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 560.400.000 đồng; bị cáo Vũ Ngọc A tổ chức với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 548.300.000 đồng (mỗi lần đều có tổng số tiền dùng để đánh bạc trên 20.000.000 đồng). Tổng số tiền bị cáo U được hưởng lợi là 50.268.800 đồng; bị cáo H được hưởng 15.479.500 đồng; bị cáo A được hưởng 3.541.500 đồng; bị cáo D được hưởng 1.500.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đinh Thị U, Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A, Trần D đồng phạm về tội "Tổ chức đánh bạc" theo Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng, an ninh, chính trị tại địa phương cũng như gây ảnh hưởng rất xấu đến dư luận trong xã hội; và là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó, các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh và đúng pháp luật.

[2] *Về thu lợi bất chính:* Do ngày 01/8/2017, các bị cáo có tổ chức ghi số đề nhưng chưa nhận được tiền thắng thua và chưa giao nhận tiền (việc giao nhận, chuyển tiền thực hiện vào ngày hôm sau) mà đã bị bắt nên các bị cáo tính được số tiền hưởng lợi dựa trên số tiền khách đánh lô, đề; chưa nhận được tiền thu lợi bất chính trên thực tế. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính vào các ngày 30, 31/7/2017; cụ thể:

- Bị cáo Đinh Thị U được hưởng lợi trong 2 ngày 30, 31/7/2017 là 39.710.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp 13.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên tiếp tục buộc bị cáo U phải nộp lại số tiền 39.710.000 – 13.000.000 = 26.710.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị H được hưởng lợi số tiền 12.559.700 đồng; bị cáo Vũ Ngọc A được hưởng lợi số tiền 2.879.700 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Trần D được bị cáo U trả tiền công 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo D làm nghề xe ôm, bị cáo vừa được hưởng lợi từ việc chuyển tiền cho U nhưng đồng thời cũng là tiền công làm xe ôm của bị cáo, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi này.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:*

- Bị cáo Đinh Thị U tổ chức đánh bạc được hưởng lợi 50.268.800 đồng (thu lợi bất chính rất lớn) nên bị xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999.

- Bị cáo Nguyễn Thị H tổ chức đánh bạc được hưởng lợi 15.479.500 đồng. Theo Bộ luật Hình sự 1999, bị cáo đã thu lợi bất chính lớn, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999 có khung hình phạt từ 3 năm đến 10 năm. Tuy nhiên, theo Bộ luật Hình sự 2015; căn cứ vào số tiền thu lợi bất chính của bị cáo và số tiền để dùng đánh bạc trong 1 lần, hành vi của bị cáo H chỉ vi phạm điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, bị cáo H chỉ bị xét xử theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015.

- Bị cáo Trần D và Vũ Ngọc A không vi phạm các tình tiết định định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999.

[4] *Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị H, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[4.1] Trong vụ án này, bị cáo Đinh Thị U là người có vai trò chính, chủ mưu và là người trực tiếp bán lô, đề cho khách để chuyển lại bảng đề cho bị cáo H, bị cáo U là người thuê bị cáo D giúp sức cho mình trong việc bán lô, đề; được hưởng lợi nhiều nhất nên bị cáo có vai trò cao nhất nên chịu mức hình phạt cao nhất. Bị cáo H và bị cáo A đều nhận bảng đề và chuyển bảng đề cho người khác để hưởng % chênh lệch, bị cáo H được hưởng lợi nhiều hơn bị cáo A nên mức hình phạt của bị cáo H thấp hơn bị cáo U nhưng cao hơn bị cáo A. Bị cáo D có vai trò thấp nhất, là người giúp sức cho bị cáo U và được hưởng lợi ít nhất nên mức hình phạt của bị cáo thấp nhất.

[4.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều nhiều lần có hành vi tổ chức đánh bạc vào các ngày 30, 31/7 và 01/8/2017 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015). Các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo D có bố tham gia kháng chiến chống Pháp được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba, mẹ được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng Nhì. Trong quá trình lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015) đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A và Trần D, áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015) đối với bị cáo D là đúng quy định pháp luật.

[4.3] Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Vũ Ngọc A đã tự nguyện nộp trước toàn bộ tiền phạt, tiền thu lời bất chính và tiền án phí hình sự sơ thẩm (bị cáo H nộp 17.759.700 đồng, bị cáo Vũ Ngọc A nộp 8.200.000 đồng). Đây

là tình tiết mới, thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H và Vũ Ngọc A.

[4.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị H là người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đứng sau bị cáo Đinh Thị U, đã được hưởng lợi từ hành vi phạm tội. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng đã có ý thức chấp hành pháp luật nộp toàn bộ tiền phạt, tiền thu lời bất chính; không có tiền án, tiền sự; bị cáo là phụ nữ, trình độ học vấn thấp; đã ly hôn chồng, phải nuôi 01 con còn nhỏ, bố mẹ của bị cáo đã già, sức khỏe yếu; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Nên xét thấy cần chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.5] Đối với bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D: Các bị cáo đều là đồng phạm với vai trò không đáng kể; các bị cáo đã thực hiện hành vi giúp sức cho bị cáo U và được hưởng lợi với số tiền rất nhỏ (bị cáo Vũ Ngọc A được hưởng lợi 2.879.700 đồng; bị cáo Trần D được hưởng lợi 1.500.000 đồng). Riêng đối với bị cáo D thì số tiền được hưởng lợi cũng đồng thời là tiền công mà U thuê bị cáo làm xe ôm. Do hoàn cảnh gia đình bị cáo D đặc biệt khó khăn, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Xét các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D đều có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo Trần D có bố, mẹ là người có công với cách mạng được tặng huân, huy chương kháng chiến. Xét, các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần phải cách ly các bị cáo Vũ Ngọc A và Trần D ra khỏi xã hội; mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ đảm bảo tính răn đe, trừng trị riêng đối với các bị cáo và giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A và Trần D, sửa bản án sơ thẩm.

[5] - V*ề án phí*: Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015); xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H**: 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ từ ngày 03/8/2017 đến ngày 11/8/2017.

Phạt tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0000224 ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015) xử phạt bị cáo **Vũ Ngọc A:** 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Phạt tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo Vũ Ngọc A đã nộp đủ tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0000223 ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Giao bị cáo Vũ Ngọc A cho Ủy ban nhân dân phường M, quận Q, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015) xử phạt bị cáo **Trần D**: 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Phạt tiền: 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trần D cho Ủy ban nhân dân phường V, quận Q, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về thu lời bất chính:

- Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp đủ 12.559.700 đồng tiền thu lời bất chính theo Biên lai thu tiền số 0000224 ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Xác nhận bị cáo Vũ Ngọc A đã nộp đủ 2.879.700 đồng tiền thu lời bất chính theo Biên lai thu tiền số 0000223 ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm:

+ Xác nhận các bị cáo Nguyễn Thị H và Vũ Ngọc A đã nộp đủ 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo các Biên lai thu tiền tương ứng số 0000224 và 0000223 cùng ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

+ Bị cáo Trần D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Vũ Ngọc A và Trần D không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận***:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hải Phòng;
- VKSND tp Hải Phòng;
- Công an tp Hải Phòng;
- Cục T.H.A tp Hải Phòng;
- Trại TGCA tp Hải Phòng;
- UBND cấp phường M, Q. Q, tp Hải Phòng;
- UBND cấp phường V, Q. Q, tp Hải Phòng;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
*(đã ký)*
**Ngô Anh Dũng**